TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ
Ngày: 24-5-2020.
V/v*: "Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Thành**

Bà **Thái Thị Thủy Tiên**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm Thái Học** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/ 2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phùng Tuấn M**, sinh năm 1966

- *Bị đơn*: Bà **Vòng A H**, sinh năm 1968

HKTT: Khu A, ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: ông **Trương Tiến D**, Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Tuấn M trình bày:

Năm 1997, ông và bà Vòng A H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Vợ chồng có 02 con chung:

1. Phùng Mạnh C, sinh ngày 02/8/1999.

2. Phùng Thị Hồng Đ, sinh ngày 07/10/2001.

Cuộc sống chung vợ chồng bình thường, sau khi kết hôn được cha mẹ cho vào trong rẫy của cha mẹ ông ở và canh tác. Thời gian đầu, cha của ông trả tiền coi rẫy cho

vợ chồng nhưng về sau, kinh tế khó khăn, nuôi con bệnh tật nên cha mẹ ông cho tự làm và thu hoạch. Ông thừa nhận trước đây có chơi bài nhưng vẫn làm rẫy, làm thuê cùng nhau nuôi con. Bà H tính rất dữ, thường bạo hành ông. Năm 2004, ông làm đơn ly hôn gửi lên UBND xã L và Ủy ban hòa giải hai lần, do các con còn nhỏ, ông rút đơn. Từ năm 2004, ông đã chí thú làm ăn, không còn bài bạc. Vợ chồng nuôi heo, ban đầu nuôi ít, có lời, sau này tăng đàn, heo bị dịch bệnh dẫn đến nợ nần. Anh em bên gia đình ông đã hỗ trợ phần thua lỗ, cháu Đ bị bệnh hiểm nghèo, anh chị em trong gia đình ông cũng hỗ trợ tiền để điều trị cho đến khi cháu mất nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Vào tháng 3/2020, sau khi đi làm về, bà chửi và đánh, đuổi nên ông đi lên Bình Phước làm thuê sống. Thời gian đầu, 02 tháng ông về thăm nhà một lần nhưng mỗi khi về nhà là bà chửi, đuổi và yêu cầu phải ly hôn. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn yêu thương nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Tại bản tường trình và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Vòng A H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận thời điểm kết hôn, con chung và nợ chung đúng như ông M trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng là do ông M không lo làm ăn, ham mê bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Bà thừa nhận, khi vợ chồng làm ăn thua lỗ cũng như chi phí điều trị bệnh cho con gái đều do anh em bên chồng hỗ trợ, giúp đỡ. Từ tháng 3/2020 ông M đã không ở chung, lý do là ông vẫn còn bài bạc, nợ người ta mới bỏ đi. Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc, bà rất khổ khi sống cùng ông và bà không còn tình cảm với ông. Ông yêu cầu ly hôn, bà không còn tình cảm nhưng bà yêu cầu được chia tài sản mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống trong rẫy của cha mẹ chồng và làm rẫy lo cho cả gia đình. Sau này, cha chồng có hứa cho vợ chồng 04 sào đất thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15, diện tích 21439,1m^2 tại ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Đất này cha chồng là ông Phùng Thanh V đứng tên. Việc cho đất này, ông chỉ nói miệng chứ chưa cho bằng văn bản. Nay bà yêu cầu nếu vợ chồng ly hôn thì phải chia cho bà 02 sào như ông V đã hứa.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:***

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì quá trình làm việc, bị đơn cũng thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình chung sống, ông M còn bị bạo hành. Từ tháng 3/2020, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, ông M không còn tình cảm với bà H và thực tế,

bà H không muốn ly hôn không phải vì còn yêu thương, muốn hàn gắn mà vì tài sản của cha chồng chưa chia.

Về con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Việc bà H yêu cầu chia 02 sào đất là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ về tài sản chung cũng như có đơn yêu cầu về việc chia tài sản nhưng bà H không thực hiện nên đề nghị không chấp nhận.

* ***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- *Việc thu thập tài liệu, chứng cứ*: Đã đầy đủ.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông M được ly hôn với bà H. Về con chung: Đã trưởng thành. Tài sản chung ông M không yêu cầu, bà H yêu cầu tạm ngưng việc giải quyết ly hôn để thỏa thuận về tài sản. Tòa án đã giải thích trường hợp yêu cầu thì phải có đơn nhưng bà không thực hiện, do đó không chấp nhận yêu cầu tạm dừng việc giải quyết ly hôn của bà H nên tài sản chung không xem xét và nợ chung không có. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiến nghị: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phùng Tuấn M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Vòng A H, con chung đã trưởng thành; tài sản chung và nợ chung không có. Ông M và bà H có đăng ký kết hôn và bà H có hộ khẩu thường trú tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 51, 131 - Luật Hôn nhân gia đình 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Tuấn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc và ông, bà đã ly thân từ tháng 3/2020 và được ông bà thừa nhận. Ông M khẳng định không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và ông bà chung sống với nhau từ năm 1997 nên căn cứ quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà H là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông M khai tài sản chung không có; bà H cho rằng vợ chồng có 04 sào đất thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15, diện tích 21439,1m^2 tại ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai do cha chồng là ông Phùng Thanh V hiện đang đứng tên hứa cho và yêu cầu chia đôi phần đất được cho.

Đối với trình bày của bà H nhận thấy: Quá trình làm việc, Tòa án đã để cho các đương sự có thời gian thỏa thuận với nhau về tài sản chung với ông Phùng Thanh V, đồng thời, bị đơn có đơn yêu cầu chia tài sản chung và giao nộp các tài liệu chứng cứ nếu có. Tuy nhiên, bà H không thực hiện (BL 34).

Tại (BL30, 31), ông Phùng Thanh V là cha của ông M và là cha chồng của bà H đã cung cấp tài liệu thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông. Ông có dự định sau này sẽ chia cho các con và phần của ông M muốn chia cho bà H cùng con trai là tùy ông M. Tuy nhiên, hiện tại, ông chưa chia và đây là tài sản của ông. Do vợ chồng ông M, bà H khó khăn nên ông vẫn để cho bà H ở tạm trên đất này, không có yêu cầu gì.

Do bà H không chứng minh được tài sản chung, không có đơn yêu cầu, ông V và ông M không thừa nhận nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: ông M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Các điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 85, 89, 91 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Tuấn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Tuấn M được ly hôn với bà Vòng A H.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phùng Tuấn M phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông M đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0002125 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

5. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án*:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến